

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI
TRƯỜNG

Số: 02/2007/TT-BTNMT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

----- o0o -----

Hà Nội, Ngày 12 tháng 02 năm 2007

THÔNG TƯ

Hướng dẫn kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ

Căn cứ Nghị định số 91/2002/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 12/2002/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;

Để tăng cường công tác kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu chất lượng, khối lượng, tiến độ thi công công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ, Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn như sau:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh

1.1. Thông tư này quy định nội dung và trách nhiệm quản lý công tác kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu chất lượng, khối lượng, tiến độ thi công từng hạng mục hoặc toàn bộ công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ (sau đây gọi chung là kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ).

1.2. Thông tư này áp dụng đối với cơ quan quản lý nhà nước về đo đạc và bản đồ; các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ, trừ các công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh do các tổ chức thuộc Bộ Quốc phòng làm chủ đầu tư.

2. Mục đích kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ

2.1. Kiểm tra việc chấp hành các tiêu chuẩn, quy phạm, quy định kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật và các văn bản khác có liên quan đến công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ.

2.2. Phát hiện những sai sót trong quá trình sản xuất để kịp thời loại bỏ các sản phẩm không bảo đảm chất lượng và tìm biện pháp xử lý khắc phục các sai sót nhằm bảo đảm chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ.

2.3. Xác nhận chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ đã hoàn thành.

3. Nguyên tắc kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu chất lượng, khối lượng, tiến độ thi công các công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ

3.1. Việc kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu chất lượng, khối lượng, tiến độ thi công công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ phải được tiến hành thường xuyên trong quá trình sản xuất; kế hoạch kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu phải được lập trên cơ sở tiến độ thi công các công đoạn công trình, sản phẩm.

3.2. Đơn vị thi công công trình, sản phẩm phải tự kiểm tra, nghiệm thu chất lượng tất cả các hạng mục công trình, sản phẩm do mình thi công.

3.3. Chủ đầu tư căn cứ vào hạng mục công việc của công trình, sản phẩm tiến hành kiểm tra, thẩm định chất lượng, khối lượng, tiến độ thi công công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ trong quá trình thi công, thẩm định và nghiệm thu chất lượng, khối lượng, tiến độ thi công công trình, sản phẩm đã hoàn thành.

4. Cơ sở pháp lý để kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu chất lượng, khối lượng, tiến độ thi công các công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ

4.1. Tiêu chuẩn, quy phạm, quy định kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

4.2. Dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

5. Hệ thống cơ quan quản lý công tác kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu các công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ

5.1. Quản lý nhà nước về công tác kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu chất lượng, khối lượng, tiến độ thi công công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ được quy định như sau:

a) Bộ Tài nguyên và Môi trường thống nhất quản lý nhà nước về kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu chất lượng, khối lượng, tiến độ thi công các công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ; ban hành các văn bản quy định về kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu chất lượng, khối lượng, tiến độ thi công công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ; chỉ đạo, hướng dẫn các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện việc kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu chất lượng, khối lượng, tiến độ thi công công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ; quyết định đình chỉ thi công, huỷ bỏ một phần hoặc toàn bộ công trình, sản phẩm thi công không đúng thiết kế kỹ thuật - dự toán được phê duyệt hoặc vi phạm nghiêm trọng

các tiêu chuẩn, quy định về kỹ thuật và kinh tế;

Cục Đo đạc và Bản đồ có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn chủ đầu tư công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ thực hiện việc kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu chất lượng, khối lượng, tiến độ thi công công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ; chịu trách nhiệm trực tiếp thực hiện việc kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu chất lượng, khối lượng, tiến độ thi công công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ cơ bản, đo đạc và bản đồ chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ thực hiện kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu chất lượng, khối lượng, tiến độ thi công công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ chuyên ngành thuộc lĩnh vực quản lý của ngành mình;

c) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) thực hiện quản lý nhà nước về công tác kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu chất lượng, khối lượng, tiến độ thi công công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ ở địa phương mình.

5.2. Chủ đầu tư sử dụng cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, cơ quan chuyên môn, thành lập hội đồng tư vấn, thuê tổ chức có chức năng tư vấn về đo đạc và bản đồ, thuê chuyên gia để kiểm tra, thẩm định chất lượng công trình, sản phẩm và nghiệm thu công trình, sản phẩm đó.

5.3. Đơn vị thi công sử dụng lực lượng chuyên môn, kỹ thuật của mình để thực hiện việc kiểm tra và nghiệm thu chất lượng, khối lượng, tiến độ trong quá trình thi công.

6. Trách nhiệm quản lý công tác kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu chất lượng, khối lượng, tiến độ thi công các công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ

6.1. Trách nhiệm của cơ quan quyết định đầu tư

a) Thẩm định hồ sơ nghiệm thu; xác nhận chất lượng, khối lượng đã hoàn thành; thẩm định hồ sơ quyết toán và phê duyệt quyết toán các công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ của chủ đầu tư;

b) Quyết định giải quyết những phát sinh, vướng mắc về công nghệ mà chưa có quy định kỹ thuật về công nghệ đó; giải quyết những phát sinh, vướng mắc về định mức kinh tế khi thay đổi giải pháp công nghệ mà làm tăng giá trị dự toán vượt quá giá trị dự toán đã được phê duyệt; giải quyết những phát sinh về khối lượng khi khối lượng hoàn thành vượt quá năm phần trăm (5%) so với khối lượng đã được phê duyệt; giải quyết việc kéo dài tiến độ thi công công trình, sản phẩm so với tiến độ thi công đã được phê duyệt;

c) Quyết định đình chỉ thi công, huỷ bỏ một phần hoặc toàn bộ công trình, sản phẩm

công trình đang thi công không đúng thiết kế kỹ thuật - dự toán được phê duyệt hoặc vi phạm nghiêm trọng các tiêu chuẩn, quy định về kỹ thuật và kinh tế.

6.2. Trách nhiệm của chủ đầu tư

a) Bảo đảm chất lượng, khối lượng, tiến độ thực hiện đối với các công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ được giao;

b) Quyết định giải quyết những phát sinh, vướng mắc về công nghệ đã có quy định kỹ thuật cụ thể; giải quyết những phát sinh, vướng mắc về định mức kinh tế khi thay đổi giải pháp công nghệ mà không làm tăng giá trị dự toán so với giá trị dự toán đã được phê duyệt; giải quyết những phát sinh về khối lượng khi khối lượng hoàn thành không vượt quá năm phần trăm (5%) so với khối lượng đã được phê duyệt;

c) Giám sát về chất lượng, khối lượng, tiến độ trong quá trình thi công công trình, sản phẩm; kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm đối với các công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ được giao;

d) Quyết định đình chỉ thi công, huỷ bỏ một phần hoặc toàn bộ công trình, sản phẩm đang thi công không đúng thiết kế kỹ thuật - dự toán được phê duyệt hoặc vi phạm nghiêm trọng các tiêu chuẩn, quy định về kỹ thuật và kinh tế.

6.3. Trách nhiệm của đơn vị thi công

a) Tổ chức hệ thống kiểm tra và nghiệm thu chất lượng, khối lượng, tiến độ thi công công trình, sản phẩm theo đúng chế độ kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu chất lượng, khối lượng, tiến độ thi công công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ;

b) Thực hiện đúng thiết kế kỹ thuật - dự toán đã được phê duyệt, đúng tiêu chuẩn, quy định về kỹ thuật và kinh tế;

c) Chịu sự giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu của chủ đầu tư, của cơ quan quản lý nhà nước về chất lượng, khối lượng, tiến độ thi công công trình, sản phẩm;

d) Trường hợp có thay đổi về giải pháp công nghệ, thiết kế kỹ thuật, định mức kinh tế, khối lượng công việc, tiến độ thi công so với dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán đã được phê duyệt thì phải báo cáo kịp thời với chủ đầu tư và chỉ được thực hiện sau khi có trả lời bằng văn bản của chủ đầu tư hoặc cơ quan quyết định đầu tư;

đ) Bảo đảm chất lượng, khối lượng, tiến độ công trình, sản phẩm do đơn vị mình thi công; trường hợp công trình, sản phẩm chưa đạt chất lượng thì phải làm bù hoặc làm lại bằng kinh phí của mình.

7. Chế độ báo cáo trong quá trình thi công công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ

7.1. Trước ngày 20 hàng tháng, đơn vị thi công phải gửi báo cáo về chất lượng, khối lượng, tiến độ đã thực hiện đến chủ đầu tư.

7.2. Trong thời hạn không quá năm (05) ngày làm việc kể từ khi hoàn thành từng công đoạn của công trình, sản phẩm và trong thời hạn không quá mười (10) ngày làm việc kể từ khi hoàn thành toàn bộ công trình, sản phẩm, chủ đầu tư phải gửi báo cáo về chất lượng, khối lượng, tiến độ đã thực hiện đến cơ quan quyết định đầu tư.

8. Kinh phí thực hiện công tác kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu chất lượng, khối lượng, tiến độ thi công các công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ

8.1. Kinh phí thực hiện công tác giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu chất lượng, khối lượng, tiến độ thi công công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ do chủ đầu tư thực hiện được xác định trong tổng dự toán của công trình, sản phẩm theo quy định hiện hành.

8.2. Kinh phí thực hiện công tác kiểm tra và nghiệm thu chất lượng, khối lượng, tiến độ công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ do đơn vị thi công thực hiện được tính trong đơn giá dự toán của công trình, sản phẩm theo quy định hiện hành.

II. NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP, MỨC ĐỘ KIỂM TRA, THẨM ĐỊNH VÀ NGHIỆM THU CHẤT LƯỢNG, KHỐI LƯỢNG CÔNG TRÌNH, SẢN PHẨM ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ

1. Lập kế hoạch kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu chất lượng, khối lượng, tiến độ thực hiện công trình, sản phẩm

1.1. Đơn vị thi công lập kế hoạch kiểm tra và nghiệm thu chất lượng, khối lượng, tiến độ thi công công trình, sản phẩm; gửi báo cáo về kế hoạch đó đến chủ đầu tư trước khi thi công; tổ chức thực hiện đúng theo kế hoạch đã lập trong quá trình thi công.

1.2. Chủ đầu tư lập kế hoạch kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu chất lượng, khối lượng, tiến độ thi công công trình, sản phẩm phù hợp với tiến độ thi công công trình, sản phẩm đã được phê duyệt và phù hợp về thời gian với kế hoạch kiểm tra và nghiệm thu của đơn vị thi công; thông báo kế hoạch đó cho đơn vị thi công trong thời hạn không quá mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận được kế hoạch kiểm tra và nghiệm thu của đơn vị thi công; tổ chức thực hiện đúng theo kế hoạch đã lập.

2. Nội dung kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ

Nội dung kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ bao gồm các hạng mục được quy định chi tiết tại Phụ lục số 1 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Phương pháp và mức độ kiểm tra, thẩm định chất lượng, khối lượng, tiến độ thi công công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ của chủ đầu tư

Việc kiểm tra, thẩm định chất lượng, khối lượng, tiến độ thi công được thực hiện theo phương pháp sau:

3.1. Phương pháp kiểm tra trong quá trình thi công công trình, sản phẩm gồm:

a) Đánh giá về chất lượng trên cơ sở thực hiện lại nội dung của đơn vị thi công thực hiện các hạng mục công việc của công trình, sản phẩm so với tiêu chuẩn, quy phạm, quy định về kỹ thuật và kinh tế, nội dung thiết kế kỹ thuật - dự toán đã được phê duyệt;

b) Xác định khối lượng các hạng mục đã hoàn thành so với tiến độ thi công đã được phê duyệt, được giao nhiệm vụ hoặc được ghi trong các phụ lục của hợp đồng.

3.2. Phương pháp thẩm định chất lượng, xác định khối lượng đối với hạng mục hoặc toàn bộ công trình, sản phẩm đã hoàn thành

a) Đối với các công trình, sản phẩm chỉ có thể thực hiện bằng một phương pháp công nghệ thì chất lượng được thẩm định trên cơ sở thực hiện lại các hạng mục công việc của công trình, sản phẩm đó theo tỷ lệ phần trăm (%) được quy định tương ứng với từng hạng mục công việc tại Phụ lục số 1 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Đối với các công trình, sản phẩm có thể thực hiện bằng nhiều phương pháp công nghệ khác nhau thì chất lượng được thẩm định trên cơ sở thực hiện các hạng mục công việc của công trình, sản phẩm đó bằng phương pháp công nghệ khác với phương pháp công nghệ đã thi công theo tỷ lệ phần trăm (%) được quy định tương ứng với từng hạng mục công việc tại Phụ lục số 1 ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Đối với các công trình, sản phẩm có thể thực hiện thẩm định chất lượng sản phẩm cuối cùng của công trình bằng phương pháp tổng hợp thì cơ quan thực hiện kiểm tra, nghiệm thu lập phương án thẩm định chất lượng trình chủ đầu tư phê duyệt; việc phê duyệt được thực hiện theo quy trình hướng dẫn của Cục Đo đạc và Bản đồ thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường;

d) Đánh giá tính phù hợp của các hạng mục sản phẩm so với tiêu chuẩn, quy định kỹ thuật trên cơ sở phân tích các biên bản kiểm tra chất lượng của đơn vị thi công, báo cáo tổng kết kỹ thuật của đơn vị thi công, biên bản kiểm tra chất lượng trong quá trình thi công của chủ đầu tư theo phương pháp quy định tại điểm 3.1 của khoản này, kết quả thẩm định chất lượng của chủ đầu tư theo phương pháp quy định tại tiết a và tiết b của điểm này;

đ) Đánh giá về hình thức của các hạng mục sản phẩm so với các quy định kỹ thuật hiện hành;

e) Dựa vào kết quả thẩm định chất lượng theo phương pháp quy định tại tiết a, b và c điểm này, xác định khối lượng của các hạng mục sản phẩm đạt yêu cầu về chất lượng và các hạng mục sản phẩm không đạt yêu cầu về chất lượng.

4. Nghiệm thu công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ

4.1. Chủ đầu tư thực hiện việc nghiệm thu công trình, sản phẩm trên cơ sở xác định các nội dung sau:

- a) Tổng khối lượng đã thực hiện đạt chất lượng kỹ thuật so với khối lượng được phê duyệt trong thiết kế kỹ thuật - dự toán;
- b) Mức độ khó khăn đối với các hạng mục công việc của công trình, sản phẩm;
- c) Định mức, đơn giá được áp dụng cho công trình, sản phẩm.

4.2. Các trường hợp có điều chỉnh về phương pháp công nghệ, thiết kế kỹ thuật, định mức kinh tế, đơn giá sản phẩm, khối lượng công việc so với dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán thì Chủ đầu tư xem xét nghiệm thu và xử lý như sau:

- a) Trường hợp đã có văn bản đồng ý cho phép điều chỉnh của cấp có thẩm quyền thì chấp nhận nghiệm thu;
- b) Trường hợp không có văn bản đồng ý cho phép điều chỉnh của cấp có thẩm quyền thì phải báo cáo cơ quan quyết định đầu tư để giải quyết.

5. Trình tự, thủ tục kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ

5.1. Trong quá trình kiểm tra chất lượng, tiến độ thi công công trình, sản phẩm phải lập Phiếu ghi ý kiến kiểm tra đối với các hạng mục đã được kiểm tra theo Mẫu số 1 kèm theo Thông tư này. Phiếu ghi ý kiến kiểm tra được đóng thành tập và lưu tại cơ quan thực hiện kiểm tra trong thời hạn năm (05) năm kể từ ngày công trình, sản phẩm được quyết toán.

Khi kết thúc kiểm tra từng công đoạn, hạng mục công việc, chủ đầu tư phải lập Biên bản kiểm tra chất lượng, khối lượng đã hoàn thành trên cơ sở tổng hợp các phiếu ghi ý kiến kiểm tra theo Mẫu số 2 ban hành kèm theo Thông tư này. Biên bản kiểm tra, nghiệm thu chất lượng, khối lượng đã hoàn thành của chủ đầu tư đối với đơn vị thi công được lập thành ba (03) bản; một (01) bản đưa vào hồ sơ nghiệm thu, một (01) bản gửi cho đơn vị thi công, một (1) bản lưu ở cơ quan thực hiện kiểm tra.

5.2. Khi kết thúc công trình chủ đầu tư phải tiến hành thẩm định chất lượng theo phương pháp nêu tại điểm 3.2 khoản 3 và lập báo cáo thẩm định theo Mẫu số 3 ban

hành kèm theo Thông tư này.

5.3. Khi hoàn thành công trình, sản phẩm, đơn vị thi công phải lập Hồ sơ nghiệm thu công trình, sản phẩm. Hồ sơ nghiệm thu của đơn vị thi công được lập thành hai (2) bộ: một (01) bộ gửi cho chủ đầu tư, một (01) bộ lưu tại đơn vị thi công. Hồ sơ gồm:

- a) Công văn đề nghị nghiệm thu công trình, sản phẩm;
- b) Báo cáo tổng kết kỹ thuật lập theo Mẫu số 4 ban hành kèm theo Thông tư này;
- c) Báo cáo kiểm tra và nghiệm thu chất lượng, khối lượng, tiến độ thi công công trình, sản phẩm của đơn vị thi công theo Mẫu số 5 ban hành kèm theo Thông tư này;
- d) Báo cáo về những phát sinh, vướng mắc về công nghệ; về định mức kinh tế - kỹ thuật; về khối lượng và những vấn đề khác (nếu có) so với thiết kế kỹ thuật - dự toán đã được phê duyệt và văn bản chấp nhận những phát sinh, giải quyết vướng mắc đó của cấp có thẩm quyền.

5.4. Sau khi nhận được Hồ sơ nghiệm thu hợp lệ đối với công trình, sản phẩm của đơn vị thi công, chủ đầu tư thực hiện việc nghiệm thu công trình, sản phẩm theo nội dung nêu tại khoản 4 Mục này; thời gian nghiệm thu không quá mười lăm (15) ngày làm việc đối với mỗi hồ sơ; kết quả nghiệm thu được lập thành Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình, sản phẩm theo Mẫu số 6 ban hành kèm theo Thông tư này.

5.5. Khi kết thúc nghiệm thu, chủ đầu tư phải lập Hồ sơ nghiệm thu công trình, sản phẩm; Hồ sơ nghiệm thu của chủ đầu tư được lập thành ba (03) bộ: một (01) bộ lưu tại chủ đầu tư, một (01) bộ giao nộp kèm theo sản phẩm, một (01) bộ gửi cơ quan quyết định đầu tư. Hồ sơ bao gồm:

- a) Quyết định phê duyệt dự án (nếu có), thiết kế kỹ thuật - dự toán, văn bản giao nhiệm vụ của cơ quan quyết định đầu tư;
- b) Báo cáo tổng kết kỹ thuật của đơn vị thi công lập theo Mẫu số 4 ban hành kèm theo Thông tư này;
- c) Báo cáo giám sát thi công về khối lượng, phân loại khó khăn, tiến độ thực hiện công trình, sản phẩm của chủ đầu tư lập theo Mẫu số 7 ban hành kèm theo Thông tư này;
- d) Báo cáo về khối lượng phát sinh, những vướng mắc đã giải quyết so với thiết kế kỹ thuật - dự toán và văn bản chấp nhận những phát sinh, giải quyết vướng mắc đó của cấp có thẩm quyền;
- đ) Báo cáo của đơn vị thi công về việc sửa chữa sai sót theo yêu cầu của chủ đầu tư và văn bản xác nhận sửa chữa sản phẩm của chủ đầu tư (nếu có);

e) Báo cáo thẩm định chất lượng của chủ đầu tư đối với công trình, sản phẩm lập theo Mẫu số 3 ban hành kèm theo Thông tư này;

g) Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình, sản phẩm lập theo Mẫu số 6 ban hành kèm theo Thông tư này.

5.6. Sau khi nhận được Hồ sơ nghiệm thu hợp lệ đối với công trình, sản phẩm của chủ đầu tư, cơ quan quyết định đầu tư hoặc cơ quan được cơ quan quyết định đầu tư ủy nhiệm (sau đây gọi chung là cơ quan quyết định đầu tư) có trách nhiệm thực hiện việc kiểm tra tính đầy đủ, hợp lý, chính xác của Hồ sơ nghiệm thu; thời gian kiểm tra không quá năm (05) ngày làm việc đối với mỗi hồ sơ; có trách nhiệm lập Bản xác nhận chất lượng, khối lượng đã hoàn thành đối với công trình, sản phẩm theo Mẫu số 8 ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Giao nộp sản phẩm và quyết toán công trình, sản phẩm

6.1. Danh mục sản phẩm giao nộp bao gồm toàn bộ sản phẩm của các hạng mục công trình đo đạc và bản đồ đã phê duyệt trong dự án (nếu có), thiết kế kỹ thuật - dự toán đã được nghiệm thu, xác nhận khối lượng, chất lượng.

6.2. Các sản phẩm phải giao nộp nêu tại điểm 6.1 khoản này được lưu trữ tại nơi do cơ quan quyết định đầu tư chỉ định.

6.3. Sau khi có văn bản xác nhận chất lượng, khối lượng đã hoàn thành của cơ quan quyết định đầu tư, chủ đầu tư có trách nhiệm lập Hồ sơ quyết toán công trình, sản phẩm. Hồ sơ quyết toán bao gồm:

a) Văn bản đề nghị quyết toán công trình, sản phẩm lập theo Mẫu số 9 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Quyết định phê duyệt dự án (nếu có), thiết kế kỹ thuật - dự toán của cơ quan có thẩm quyền;

c) Hợp đồng kinh tế hoặc văn bản giao nhiệm vụ của chủ đầu tư đối với đơn vị thi công;

d) Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình, sản phẩm;

đ) Văn bản xác nhận chất lượng, khối lượng đã hoàn thành của cơ quan quyết định đầu tư;

e) Biên bản giao nộp sản phẩm hoặc phiếu nhập kho đối với sản phẩm;

g) Đối với các công trình được thi công trong nhiều năm thì phải lập thêm Bản tổng hợp khối lượng, giá trị quyết toán của toàn bộ công trình, sản phẩm theo Mẫu số 10 ban

hành kèm theo Thông tư này.

Hồ sơ quyết toán công trình, sản phẩm được lập thành ba (3) bộ; một (01) bộ lưu tại chủ đầu tư, một (01) bộ gửi cho cơ quan quyết định đầu tư, một (01) bộ gửi cho đơn vị thi công.

III. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

1. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Bãi bỏ Quyết định số 657/QĐ-ĐC ngày 04 tháng 11 năm 1997 của Tổng cục Trưởng Tổng cục Địa chính về việc ban hành Quy chế quản lý chất lượng công trình - sản phẩm đo đạc - bản đồ và Quyết định số 658/QĐ-ĐC ngày 04 tháng 11 năm 1997 của Tổng cục trưởng Tổng cục Địa chính về việc ban hành Hướng dẫn kiểm tra kỹ thuật, nghiệm thu công trình - sản phẩm đo đạc - bản đồ.

2. Tổ chức thực hiện

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm chỉ đạo các đơn vị, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ; các đơn vị, tổ chức khác có liên quan thuộc phạm vi quản lý của mình thực hiện Thông tư này.

Cục Đo đạc và Bản đồ thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc cần kịp thời phản ánh về Cục Đo đạc và Bản đồ thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường để phối hợp xem xét, giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG
(Đã ký)

Đặng Hùng Võ